

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2025/HSST
Ngày: 03/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khổng Lan Hương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Toàn.

2. Bà Trần Thị Phôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang - Thư ký của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Văn Lê Hoài Khiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 223/2024/LTST-HS ngày 14.10.2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2024/QĐXXST-HS ngày 21.10.2024 và Quyết định hoãn số 199A/2024/HSST-QĐ, ngày 05.12.2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM TRẦN ANH T1**; Giới tính: Nam, sinh ngày 18.4.1996 tại thành phố Q, tỉnh B; Nơi cư trú: Tổ 41, khu phố 7, phường N, thành phố Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm T2, sinh năm 1972 và bà: Trần Thị Kim Y, sinh năm 1976; Vợ: Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1993 (Đã ly hôn); Con: có 03 người con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 16.4.2024, bị Công an phường Gh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Phạt tiền 1.500.000 đồng;

Nhân thân:

- Ngày 17.9.2018 bị Công an thành phố Quy Nhơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”. Phạt tiền 2.000.000 đồng.

- Ngày 17.9.2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hiện chấp hành án tại trại giam A2, thuộc Cục C10, Bộ công an (Quyết định thi hành án hình sự số 508/2024/QĐ-CA, ngày 24.10.2024); Bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1993; Trú tại: Tổ 14, khu vực 2, phường G thành phố Q, tỉnh B. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Thanh P, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ 32, phường M, quận S, thành phố Đ. (Vắng mặt).

Người làm chứng: Nguyễn Trung T3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Trọng N, Lương Khắc C (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/5/2024, Phạm Trần Anh T1 đi bộ tới trước nhà chị Nguyễn Thị Trúc L tại tổ 14, khu phố 2, phường G, thành phố Q thì phát hiện xe mô tô Honda Airblade biển số 43E1-388.99 của chị L đang để trước nhà, cửa nhà đang đóng, không ai trông coi, chìa khóa vẫn gắn trên xe nên T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này. Lúc này, T1 lén lút tiếp cận rồi mở khóa đề nổ máy, điều khiển xe đi về hướng trung tâm thành phố Q để tìm nơi cầm cố xe mô tô này. Khi đi tới đường H thành phố Q, T1 gặp bạn là Nguyễn Trung T3 nên nhờ Th tìm giúp chỗ cầm cố xe trên, T3 đồng ý. Cả hai đi về phòng trọ của T3 ở hẻm 67 đường Nguyễn L, phường M, Thành phố Q. Tại đây, T3 hỏi xe 43E1-388.99 của ai thì T1 nói với T3 là xe mô tô này là của vợ T1, do cần tiền nên cần cầm cố xe này 01 tháng. Sau đó, T3 nhờ bạn gái đang ở cùng phòng trọ là Nguyễn Thị L1 tìm nơi cầm cố xe giúp T1. L1 liên hệ Nguyễn Trọng N để thỏa thuận về việc cầm cố, L1 nói với N là xe mô tô 43E1-388.99 là của ông anh của L1, bị thất lạc giấy tờ, muốn cầm cố xe này 01 tháng lấy tiền tiêu xài và L1 đứng ra đảm bảo nên N đồng ý. Đến khoảng 23 giờ ngày 07/5/2024, L1 điều khiển xe mô tô 43E1-388.99 tới nhà N để cầm cố xe mô tô này lấy số tiền là 5.000.000 đồng, N lấy tiền lãi trước là 1.000.000 đồng nên L1 nhận về 4.000.000 đồng tiền mặt từ N, đem về phòng trọ đưa lại cho T3. Lúc này, T1 có nhờ T3 dùng số tiền trên đi mua giúp đồ ăn, nước uống hết 200.000 đồng nên sau đó T3 đưa lại cho T1 3.800.000 đồng, T1 sử dụng để chơi “game” và tiêu xài hết. Ngày 07/5/2024, chị Nguyễn Thị Trúc L đến Công an phường G trình báo sự việc bị mất trộm xe mô tô biển kiểm soát 43E1-388.99.

Ngày 25/5/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Quy Nhơn kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại AirBlade, màu đen xám, biển

số 43E1–388.99, số khung: 4611EY475692, số máy: JF46E5149583, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 07/5/2024 có giá trị là 13.167.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ và trả lại cho chị Nguyễn Thị Trúc L xe mô tô hiệu Honda, loại AirBlade, màu đen xám, biển số 43E1–388.99, đã qua sử dụng.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Trúc L đã nhận lại tài sản và anh Nguyễn Trọng N không yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 226/CT-VKSQN ngày 11.10.2024 Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo Phạm Trần Anh T1 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Trần Anh T1 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Trần Anh T1 từ 12 đến 18 tháng tù. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 201/2024/HS-ST ngày 17.9.2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đối với bị cáo.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp

với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với những lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 07.5.2024, tại tổ 14, khu phố 2, phường G, thành phố Q, khi thấy xe mô tô biển số 43E1-388.99 của chị Nguyễn Thị Trúc L đang dừng trước nhà, chìa khóa gắn trên xe, Phạm Trần Anh T1 đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản nên bị cáo đã lén lút mở khóa và điều khiển xe đi tìm nơi cầm cố.

Bị cáo Phạm Trần Anh T1 có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do tham lam, xem thường pháp luật, bị cáo đã chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda, loại AirBlade, màu đen xám, biển số 43E1-388.99 của bị hại tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 13.167.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài ra, tại bản án hình sự sơ thẩm số 201/2024/HSST ngày 17.9.2024 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đang chấp hành hình phạt của bản án này nên áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của bản án này đối với bị cáo.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về nhân thân: Bị cáo Phạm Trần Anh T1 có nhân thân xấu.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Trần Anh T1 không có tình tiết tăng nặng.

[4.3]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo

không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Thị Trúc L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường, trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Trọng N không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Trần Anh T1 bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tại phiên tòa, về mức hình của bị cáo và các phần đề nghị khác phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[9] Về vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thị L1, Nguyễn Trung T3 có hành vi giúp Phạm Trần Anh T1 cầm cố xe mô tô biển số: 43E1-388.99, Nguyễn Trọng N có hành vi nhận cầm cố xe mô tô 43E1-388.99. Tuy nhiên, L1, T3, N không hứa hẹn, thỏa thuận từ trước, không biết tài sản trên là do T1 phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với Nguyễn Trọng N có hành vi cho Nguyễn Thị L1 vay tiền với mức lãi suất 240%/1 năm, gấp 12 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, số tiền N thu lợi bất chính là 917.000 đồng (dưới 30.000.000 đồng), N chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên hành vi của N không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quy Nhơn đã chuyển hồ sơ đến Công an thành phố Quy Nhơn xử lý theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Trần Anh T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Trần Anh T1 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bản án hình sự sơ thẩm số 201/2024/HSST ngày 17.9.2024 của Tòa án nhân dân

thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10.5.2024.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Trần Anh T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương